

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ECOPARK**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ECOPARK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ECOPARK INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ECOPARK INVEST .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107353199

**3. Ngày thành lập:** 11/03/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng M tòa nhà Hồng Hà 25 Lý Thường Kiệt, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0913216181

Fax:

Email: [ceo@mirolin.vn](mailto:ceo@mirolin.vn)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                       | 5210     |
| 2.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>Bán buôn xi măng<br>Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>Bán buôn kính xây dựng<br>Bán buôn sơn, véc ni<br>Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>Bán buôn đồ ngũ kim | 4663     |
| 3.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4100     |
| 4.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                          | 4210     |
| 5.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4220     |
| 6.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>+ Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống...<br>+ Đập và đê.                                                                                                                                       | 4290     |
| 7.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4311     |
| 8.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4312     |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4321     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 10. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4322        |
| 11. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>+ Thang máy, cầu thang tự động,<br>+ Các loại cửa tự động,<br>+ Hệ thống đèn chiếu sáng,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4329        |
| 12. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4330        |
| 13. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết:<br>+ Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc,<br>+ Thử độ ẩm và các công việc thử nước,<br>+ Chống ẩm các toà nhà,<br>+ Chôn chân trụ,<br>+ Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất,<br>+ Uôn thép,<br>+ Xây gạch và đặt đá,<br>+ Lợp mái bao phủ toà nhà,                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4390        |
| 14. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết:<br>Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6810(Chính) |
| 15. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>Dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6820        |
| 16. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết:<br>Việc cung cấp tư vấn, hướng dẫn và trợ giúp điều hành đối với nhà kinh doanh và các tổ chức khác trong vấn đề quản lý, như lập chiến lược và kế hoạch hoạt động, ra quyết định tài chính, mục tiêu và chính sách thị trường, chính sách nguồn nhân lực, thực thi và kế hoạch; chương trình sản xuất và kế hoạch điều khiển. Việc cung cấp dịch vụ kinh doanh này có thể bao gồm tư vấn, hướng dẫn hoặc trợ giúp hoạt động đối với người kinh doanh hoặc các dịch vụ cộng đồng như:<br>- Quan hệ và thông tin cộng đồng;<br>- Hoạt động vận động hành lang;<br>- Tư vấn và giúp đỡ kinh doanh hoặc dịch vụ lập kế hoạch, tổ chức, hoạt động hiệu quả, thông tin quản lý. | 7020        |
| 17. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>Hoạt động đo đạc bản đồ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7110        |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ  
**Mệnh giá cổ phần:** 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức  | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LƯƠNG XUÂN HÀ    | Số 4 Lương Văn Can, Phường Hàng Đào, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam       | Cổ phần phổ thông | 1.400.000  | 14.000.000.000        | 70,000    | 011962204                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                       | Tổng số           | 1.400.000  | 14.000.000.000        | 70,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                       |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | PHẠM QUANG ANH   | Số 28, Nguyễn An Ninh, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam   | Cổ phần phổ thông | 200.000    | 2.000.000.000         | 10,000    | 001075008138                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                       | Tổng số           | 200.000    | 2.000.000.000         | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                       |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN CÔNG HỒNG | Số 50, tổ 33 Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 400.000    | 4.000.000.000         | 20,000    | 012712808                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                       | Tổng số           | 400.000    | 4.000.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                       |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: PHẠM QUANG ANH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 27/11/1975

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001075008138

Ngày cấp: 18/01/2016      Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQL về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 28, Nguyễn An Ninh, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: Số 28, Nguyễn An Ninh, Phường Trương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

\* Họ và tên: LƯƠNG XUÂN HÀ

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 25/07/1961

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 011962204

Ngày cấp: 15/11/2010      Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 4 Lương Văn Can, Phường Hàng Đào, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 4 Lương Văn Can, Phường Hàng Đào, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội